

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lước;
2. Ông Bò Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1996; thường trú: Ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Tổ 4, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1988; thường trú: Tổ 4, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Năm 2018, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng một năm, được sự đồng ý của hai bên gia đình, bà Đ và ông H tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 14/11/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 9/2019 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Do mâu thuẫn giữa các bên không thể giải quyết được nên bà Đ đi ra ngoài sinh sống từ tháng 9/2019 đến nay. Từ đó, bà Đ với ông H không còn quan tâm, chăm sóc

nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến Tòa án lấy lời khai, làm việc nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng : Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa , những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự , thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu , chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa , căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa , ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đ nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông H. Ông H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ 4, ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 14/11/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân của bà Đ với ông H: Bà Đ xin ly hôn với ông H vì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không thống nhất về nơi ở. Bà Đ đã dọn ra ngoài ở riêng từ tháng 9/2019 đến nay và hai bên không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Ông H đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà Đ xin ly hôn và giấy triệu tập đến Tòa án để làm việc nhưng ông H không đến Tòa án và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này thể hiện ông H cũng không quan tâm, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Kết quả xác minh ngày 03/3/2020 về tình trạng hôn nhân của bà Đ với ông H, bà Nguyễn Thị G là mẹ của ông H cho biết, ông H và bà Đ chỉ phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống nhưng bà Đ đã tự ý bỏ nhà đi từ tháng 9/2019 đến nay. Kết quả xác minh tại ấp C, xã H, huyện B thì đại diện địa phương cho biết không rõ về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Đ và ông H.

Qua đó cho thấy, từ tháng 9/2019 đến nay, bà Đ và ông H không còn chung sống, vợ chồng không còn quan tâm nhau, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống hôn nhân không có trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ xin ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Đ phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Hữu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030797 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã H, huyện B,
tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế